

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của UBND dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Triển khai việc chuyển đổi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng;

Theo đề nghị của Đại diện lãnh đạo về chất lượng (QMR) và Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Xây dựng gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu	Ký hiệu
1	Sổ tay chất lượng	STCL
2	Quy trình kiểm soát tài liệu	SXD-ISO.01
3	Quy trình kiểm soát hồ sơ	SXD-ISO.02
4	Quy trình đánh giá nội bộ	SXD-ISO.03
5	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	SXD-ISO.04
6	Quy trình hành động khắc phục	SXD-ISO.05
7	Quy trình hành động phòng ngừa	SXD-ISO.06
8	Quy trình quản lý rủi ro	SXD-ISO.07
9	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng	SXD-QT.13

	III	
10	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	SXD-QT.15
11	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng	SXD-QT.16
12	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động	SXD-QT.17
13	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin	SXD-QT.18
14	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	SXD-QT.19
15	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	SXD-QT. 20
16	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh	SXD-QT. 21
17	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	SXD-QT. 22
18	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	SXD-QT. 23
19	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	SXD-QT. 24
20	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C	SXD-QT. 25
21	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	SXD-QT. 26
22	Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	SXD-QT. 27
23	Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của	SXD-QT. 28

	Nghị định 99/2015/NĐ-CP	
24	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	SXD-QT. 29
25	Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	SXD-QT. 30
26	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh	SXD-QT. 31
27	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	SXD-QT. 32
28	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	SXD-QT. 33
29	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	SXD-QT. 34
30	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng	SXD-QT. 37
31	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù	SXD-QT. 38
32	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch đô thị	SXD-QT. 39
33	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng vùng	SXD-QT.40
34	Thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù	SXD-QT.41
35	Thẩm định đồ án quy hoạch đô thị	SXD-QT.42
36	Thẩm định Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch xây dựng	SXD-QT.43
37	Cấp giấy phép xây dựng mới	SXD-QT.44
38	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình	SXD-QT.45
39	Cấp giấy phép di dời công trình	SXD-QT.46
40	Điều chỉnh giấy phép xây dựng	SXD-QT.47
41	Gia hạn giấy phép xây dựng	SXD-QT.48
42	Cấp lại giấy phép xây dựng	SXD-QT.49
43	Tiếp nhận công bố sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật	SXD-QT.50
44	Lấy ý kiến đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	SXD-QT.51
45	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	SXD-QT.52
46	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	SXD-QT.53
47	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công	SXD-QT.54

	trình trong khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử của đô thị đặc biệt	
48	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	SXD-QT.55
49	Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	SXD-QT.56
50	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	SXD-QT.57
51	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư tại Điều 9 của Thông tư 31/2016/TT-BXD	SXD-QT.58
52	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư tại Điều 7 của Thông tư 31/2016/TT-BXD	SXD-QT.59
53	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	SXD-QT.60
54	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	SXD-QT.61
55	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	SXD-QT.62
56	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	SXD-QT.63
57	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP): do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề)	SXD-QT.64
58	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	SXD-QT.65
59	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp	SXD-QT.66
60	Thẩm định dự toán đền bù	SXD-QT.70
61	Góp ý về phương pháp xác định suất đầu tư	SXD-QT.71
62	Thẩm định đề án công nhận đô thị loại V	SXD-QT.72
63	Kiểm tra đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngoài vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	SXD-QT.73
64	Thỏa thuận phương án tổng mặt bằng	SXD-QT.74
65	Góp ý phương án kiến trúc công trình	SXD-QT.75
66	Thông nhất hồ sơ lấy ý kiến nhiệm vụ quy hoạch xây dựng	SXD-QT.76
67	Thông nhất hồ sơ lấy ý kiến đồ án quy hoạch xây dựng	SXD-QT.77
68	Cung cấp thông tin quy hoạch	SXD-QT.78
69	Thẩm định điều chỉnh (cục bộ) quy hoạch xây dựng	SXD-QT.79
70	Tham gia ý kiến để chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	SXD-QT.80
71	Thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới	SXD-QT.81

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 670/QĐ-SXD ngày 16/3/2020, Quyết định số 1524/QĐ-SXD ngày 29/5/2020, Quyết định số 3283/QĐ-SXD ngày 21/10/2020 và Quyết định số 3891/QĐ-SXD ngày 04/12/2020 của Sở Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và cán bộ, công chức trong cơ quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- GD, Phó GD;
- Lưu: VT, VP.

a

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đại Viên

